| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 36/2026/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2026/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 28/7/1994; căn cước công dân số: N; thường trú: Tổ B, khu phố Khánh V, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trịnh Minh D, sinh ngày 22/3/1990; căn cước công dân số: M; thường trú: Số A, khóm N, phường Bạc L, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Tổ A, ấp M, xã Phước H, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trịnh Minh D có thời gian tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khánh B, thành phố U, tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2017 ngày 22/3/2017. Trong quá trình chung sống, bà A và ông D có 01 con chung tên Trịnh Minh H, sinh ngày 11/7/2019. Ngày 08/12/2025, bà A và ông D có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, bà Anh và ông Dư đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trịnh Minh D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Trịnh Minh H, sinh ngày 11/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trịnh Minh D đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông Trịnh Minh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thực hiện từ tháng 4/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trịnh Minh D phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015670 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân H, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Bích Hạnh**